

Số: 120/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án Kiện toàn tổ chức và hoạt động của
Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước
năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số
40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Xét Tờ trình số 10343/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ
nông dân tỉnh Nghệ An (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân
dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / .ng

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đề b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HỖND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HỖND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HỖND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

ĐỀ ÁN

Kiến toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Nghệ An
(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH NGHỆ AN

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY

Thực hiện Kết luận số 61-KL/TW, ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”; Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011 - 2020; Công văn số 485-CV/TU, ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 61-KL/TW và Quyết định số 673/QĐ-TTg về hội nông dân; thực hiện Đề án số 966-ĐA/TW, ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của quỹ hỗ trợ nông dân giai đoạn 2011 - 2020, ngày 20 tháng 10 năm 2011, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 58-QĐ/HND thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Nghệ An.

Quá trình hoạt động cho thấy, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Quỹ hoạt động hiệu quả, giúp nhiều hội viên, nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, xây dựng các mô hình điểm trong nông nghiệp; là công cụ quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động, đoàn kết, tập hợp nông dân. Cụ thể trên các mặt như sau:

1. Bộ máy Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

Bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm: Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Ban Điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, trong đó:

a) Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh có vai trò như Hội đồng quản lý Quỹ, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra chủ trương, định hướng xây dựng, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân; tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn Quỹ theo quy định pháp luật; phê duyệt kế hoạch tài chính Quỹ hàng năm; ban hành, sửa đổi các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và các quy định liên quan; phê duyệt cho vay, kiểm tra, giám sát hoạt động Ban Điều hành Quỹ.

b) Ban Kiểm soát Quỹ là cơ quan giúp việc cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động của Quỹ nhằm bảo đảm hoạt động Quỹ đúng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên là cán bộ Hội Nông dân tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

c) Ban Điều hành Quỹ là cơ quan tham mưu, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh thực hiện quản lý, điều hành hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; trực tiếp quản lý, điều hành nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Hiện nay, Ban Điều hành Quỹ có 05 thành viên là cán bộ Hội Nông dân tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Giám đốc Ban Điều hành Quỹ là Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

2. Hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh (từ năm 2011 đến nay)

a) Nguồn vốn

Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được hình thành từ 03 nguồn chính: Nguồn ngân sách tỉnh cấp; nguồn bổ sung hàng năm từ hoạt động của Quỹ; nguồn ủy thác cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương.

Tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quản lý đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 60,615 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh cấp 41 tỷ đồng (Năm 2012 là 10 tỷ đồng; năm 2013 là 01 tỷ đồng; năm 2014 là 01 tỷ đồng; năm 2015 là 03 tỷ đồng; năm 2016 là 03 tỷ đồng; năm 2017 là 2,5 tỷ đồng; năm 2018 là 2,5 tỷ đồng; năm 2019 là 2,5 tỷ đồng; năm 2020 là 2,5 tỷ đồng; năm 2021 là 04 tỷ đồng; năm 2022 là 04 tỷ đồng; năm 2023 là 05 tỷ đồng).

- Nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ là 1,915 tỷ đồng.

- Nguồn nhận ủy thác từ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương là 17,7 tỷ đồng.

b) Hoạt động cho vay

Việc cho vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả, có kỳ hạn và có hạn mức, không thu lãi nhưng có thu phí. Đối tượng vay vốn là hội viên Hội Nông dân tự nguyện tham gia dự án nhóm hộ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội nông dân các cấp. Hội viên nông dân vay Quỹ Hỗ trợ nông dân không phải thế chấp tài sản mà được Hội nông dân cấp xã bảo lãnh tín chấp với sự xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân đều được Ủy ban nhân dân cấp xã xác định phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của xã. Quy trình cho vay được thực hiện nghiêm túc theo quy định và được cán bộ Hội Nông dân tỉnh trực tiếp thẩm định, giải ngân. Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/hộ; một dự án cho vay tối thiểu 10 hộ hội viên nông dân; thời gian vay tối đa là 36 tháng.

Từ năm 2012 đến nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã cho 5.299 hộ nông dân vay thông qua 414 dự án vay vốn. Trong đó, cho vay chăn nuôi chiếm 74 %; trồng trọt chiếm 13 %; sản xuất chế biến chiếm 10%; dự án khác khoảng 3%. Đến thời

điểm này, Quỹ Hỗ trợ nông dân chưa có nợ xấu, nợ quá hạn; vốn của Quỹ được bảo toàn và tăng trưởng tốt.

c) Hiệu quả hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Hiệu quả kinh tế

Tính đến 31 tháng 12 năm 2023, tổng nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quản lý và nhận ủy thác là 60,615 tỷ đồng. Với nguồn vốn này, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã trực tiếp cho 5.299 hộ nông dân vay vốn sản xuất, dịch vụ, phát triển ngành nghề, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm nông sản đạt chất lượng, hiệu quả cao, tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống của nông dân. Có sự hỗ trợ vốn của Quỹ, các hội viên nông dân đã mạnh dạn khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, đưa các giống cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao vào sản xuất, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại địa phương. Thu nhập bình quân của mỗi lao động vay vốn Quỹ tăng thêm từ 20% đến 30% so với trước khi chưa vay vốn. Qua hình thức vay vốn theo nhóm hộ đã góp phần hình thành các mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Hiệu quả xã hội

Từ năm 2012 đến nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã tạo thêm việc làm cho 19.328 lao động, góp phần giảm áp lực di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị. Từ việc cho vay vốn, Quỹ Hỗ trợ nông dân đã góp phần nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể, hạn chế tình trạng “tín dụng đen” giảm tệ nạn xã hội, góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội ở nông thôn.

- Hiệu quả chính trị

Quỹ Hỗ trợ nông dân là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng. Thông qua hoạt động cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, các cấp hội nông dân có thêm điều kiện để tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nắm bắt kịp thời phản ánh, kiến nghị của nông dân; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội, gắn hoạt động của tổ chức hội nông dân với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để hội nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng phong trào nông dân, nhất là phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

II. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT, TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

1. Mục tiêu

a) Tăng cường hiệu quả hoạt động, năng lực quản lý, điều hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; hỗ trợ nhiều hội viên nông dân được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh;

b) Tạo nguồn lực, điều kiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đoàn kết, tập hợp nông dân của tổ chức hội nông dân, góp phần xây dựng hội nông dân các cấp vững mạnh.

2. Sự cần thiết, tính khả thi của việc kiện toàn tổ chức, hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định: Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế. Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chương trình hành động số 49-CT/TU ngày của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ-TU ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định xây dựng nền nông nghiệp có quy mô sản xuất hàng hóa lớn, công nghệ cao; nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng cao; nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội đồng bộ, hiện đại. Kế hoạch số 257-KH/TU ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đã định hướng: “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghề cho nông dân, lao động nông thôn và hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh”; “Kiện toàn tổ chức, hoạt động quỹ hỗ trợ nông dân cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ. Tăng cường quản lý, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước đồng thời có các hình thức phù hợp vận động nguồn lực xã hội cho quỹ hỗ trợ nông dân để xây dựng các mô hình điểm trong nông nghiệp, nông thôn”.

Qua 14 năm kể từ ngày thành lập, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Nghệ An đã hoàn thành tốt mục tiêu đề ra, giúp hàng ngàn lượt hộ nông dân vay vốn phát triển kinh tế, mở rộng quy mô sản xuất. Hoạt động của Quỹ đã tạo thêm việc làm cho hàng chục ngàn nông dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hợp tác liên kết trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Nhu cầu vay vốn của nông dân, nhất là nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân trong các tổ hợp tác, chi hội, tổ hội nông dân nghề là rất lớn. Các đối tượng này mong muốn có thêm vốn để đầu tư khai thác tiềm năng sẵn có của địa phương, mở rộng quy mô, ứng dụng khoa học kỹ thuật, liên kết hợp tác để phát triển sản xuất nhưng việc tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng ở nhiều nơi còn khó khăn vì nhiều nông dân không đảm bảo các tiêu chí vay theo quy định của các tổ chức tín dụng đó. Quỹ Hỗ trợ nông dân hiện tại chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ so với nhu cầu vay vốn của nông dân (mới đạt khoảng 10%); hoạt

động của Quỹ cũng đang còn những hạn chế như mức cho vay còn thấp, quy mô các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh còn nhỏ, chưa tạo được nhiều sự liên kết hợp tác giữa các hộ tham gia vay vốn. Đặc biệt, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hiện tại do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định thành lập, chưa có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Trong khi đó, Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân quy định: “Quỹ Hỗ trợ nông dân là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”.

Như vậy, việc kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là rất cần thiết.

3. Tác động của việc kiện toàn tổ chức, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

a) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ, giúp nhiều hội viên, nông dân tiếp cận nguồn vốn ưu đãi phát triển sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

b) Phát huy phẩm chất tốt đẹp, đức tính cần cù, sáng tạo, tinh thần vượt khó vươn lên của người nông dân để mở rộng quy mô sản xuất, phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

c) Tăng cường đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo việc làm, ổn định xã hội ở nông thôn; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức hội nông dân, góp phần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội, thu hút, tập hợp nông dân tham gia tổ chức Hội; khẳng định vai trò Hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

III. CƠ SỞ BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

a) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

b) Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới;

c) Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

d) Kế hoạch số 257- KH/TU ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

2. Cơ sở pháp lý

a) Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

b) Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

c) Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

I. TÊN GỌI VÀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

1. Tên gọi và địa điểm trụ sở

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Nghệ An (sau đây viết tắt là Quỹ HTND tỉnh).

b) Địa chỉ trụ sở: Đặt tại cơ quan Hội Nông dân tỉnh Nghệ An.

2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

a) Quỹ HTND tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Nghệ An, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân (sau đây viết tắt là Nghị định 37/2023/NĐ-CP);

b) Quỹ HTND tỉnh có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

c) Người đại diện pháp luật của Quỹ HTND tỉnh là Giám đốc Quỹ HTND tỉnh.

II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HTND TỈNH

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn;

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND tỉnh;

c) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động

a) Hỗ trợ hội viên hội nông dân xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm trong phát triển nông nghiệp ở nông thôn, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân;

b) Tạo nguồn lực, điều kiện, nâng cao hiệu quả công tác đoàn kết, tập hợp nông dân, góp phần xây dựng Hội và phong trào nông dân vững mạnh.

3. Phạm vi hoạt động

Quỹ HTND tỉnh thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP trên phạm vi tỉnh Nghệ An.

III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ HTND TỈNH

1. Chức năng, nhiệm vụ

a) Tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Nghệ An về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ HTND tỉnh;

b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước;

c) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

d) Cho vay vốn đối với hội viên nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh;

đ) Nhận ủy thác cho vay từ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

e) Ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ cho vay hoặc một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay theo quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật liên quan;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn

a) Trách nhiệm

- Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Thực hiện các quy định về luật, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ HTND tỉnh;

- Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

b) Quyền hạn

- Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

- Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

- Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ HTND tỉnh nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

- Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ HTND TỈNH

Dự kiến vốn điều lệ Quỹ giai đoạn 2024 - 2028 là 112,915 tỷ đồng. Trong đó:

1. Nguồn Quỹ HTND tỉnh hiện có chuyển qua: 42,915 tỷ đồng.
2. Năm 2024, ngân sách tỉnh cấp 5 tỷ đồng.
3. Năm 2025 ngân sách tỉnh cấp 5 tỷ đồng.
4. Năm 2026 ngân sách tỉnh cấp 20 tỷ đồng.
5. Năm 2027 ngân sách tỉnh cấp 20 tỷ đồng.
6. Năm 2028 ngân sách tỉnh cấp 20 tỷ đồng.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ HTND tỉnh gồm có:

- a) Hội đồng quản lý;
- b) Ban Kiểm soát;
- c) Ban Điều hành gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý Quỹ HTND tỉnh theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Nghị định 37/2023/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

3. Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh

3.1. Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh có tối đa 05 thành viên là cán bộ, công chức cơ quan Hội Nông dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh;

b) Một thành viên là Giám đốc Quỹ HTND tỉnh;

c) Các thành viên còn lại do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm. Trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân tỉnh có thể cử 01 đại diện của sở, ngành tham gia vào Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh.

3.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ.

3.3. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh là cán bộ của Hội Nông dân tỉnh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh là đại diện sở, ngành.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ HTND tỉnh;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

3.5. Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Tiêu chuẩn, điều

kiện cụ thể đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

3.6. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

3.7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ HTND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ HTND tỉnh trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt;

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

d) Giám sát, kiểm tra Ban điều hành Quỹ HTND tỉnh trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ HTND tỉnh trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

e) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ HTND tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt;

h) Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

i) Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh;

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

3.8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh;

d) Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

đ) Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh.

4. Ban Kiểm soát Quỹ HTND tỉnh

4.1. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ HTND tỉnh là cán bộ Hội Nông dân tỉnh do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ HTND tỉnh.

4.2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ HTND tỉnh nhưng tối đa không quá 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên là Trưởng Ban kiểm soát.

4.3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ HTND tỉnh là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

4.4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ HTND tỉnh:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh..

4.5. Ban Kiểm soát Quỹ HTND tỉnh có tối đa 03 thành viên. Trưởng Ban Kiểm soát là Ủy viên Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

4.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ HTND tỉnh

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức, hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ HTND tỉnh;

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ HTND tỉnh trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Lập kế hoạch hoạt động, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh giao.

4.7. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ HTND tỉnh với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của ban kiểm soát quỹ hỗ trợ nông dân do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành.

5. Ban Điều hành Quỹ HTND tỉnh

5.1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ HTND tỉnh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

5.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ HTND tỉnh:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ HTND tỉnh ít nhất 05 năm.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

5.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ HTND tỉnh:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ HTND tỉnh theo quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh và các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ HTND tỉnh theo thẩm quyền;

c) Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

d) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

đ) Quyết định hợp đồng giúp việc để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ HTND tỉnh;

e) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

5.4. Phó Giám đốc Quỹ HTND tỉnh

a) Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ HTND tỉnh theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ và số lượng của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

5.5. Kế toán trưởng Quỹ HTND tỉnh

a) Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ HTND tỉnh, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ HTND tỉnh theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

b) Kế toán trưởng Quỹ HTND tỉnh phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

5.6. Bộ máy giúp việc của Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh

a) Bộ máy giúp việc của Quỹ HTND tỉnh gồm có:

- Các cán bộ của cơ quan Hội Nông dân tỉnh được phân công trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ HTND tỉnh;

- Người lao động được Quỹ HTND tỉnh hợp đồng theo quy định.

b) Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành Quỹ HTND tỉnh.

VI. NGUỒN VỐN QUỸ HTND TỈNH GIAI ĐOẠN 2024 - 2028

1. Nguồn vốn của Quỹ HTND tỉnh giai đoạn 2024 - 2028

1.1. Nguồn vốn Quỹ HTND tỉnh giai đoạn 2024 - 2028 gồm:

a) Nguồn vốn Quỹ HTND tỉnh tại thời điểm kiện toàn tổ chức, hoạt động là 42,915 tỷ đồng;

b) Nguồn ngân sách tỉnh cấp mới: 70 tỷ đồng. Cụ thể: Năm 2024 cấp 05 tỷ đồng; Năm 2025 cấp 05 tỷ đồng; Năm 2026 cấp 20 tỷ đồng; Năm 2027 cấp 20 tỷ đồng; Năm 2028 cấp 20 tỷ đồng.

c) Nguồn bổ sung từ hoạt động của Quỹ: 1,12 tỷ đồng

1.2. Dự kiến tổng nguồn Quỹ HTND tỉnh đến năm 2028 là 114,035 tỷ đồng.

2. Kế hoạch vốn và sử dụng vốn Quỹ HTND tỉnh giai đoạn 2024 - 2028

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch				
		2024	2025	2026	2027	2028
A	Nguồn vốn	48.095	53.285	73.505	93.755	114.035
1	Số dư đầu kỳ	42.915	48.095	53.285	73.505	93.755
2	Vốn điều lệ ngân sách cấp mới	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000
3	Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động	180	190	220	250	280
B	Sử dụng vốn					
1	Số dự án	96	107	147	188	228
2	Số hộ vay	960	1.070	1.470	1.870	2.280
3	Trung bình số vốn/dự án	500	500	500	500	500

3. Khả năng vận động vốn ngoài ngân sách

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức, hoạt động của Quỹ HTND tỉnh, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh sẽ tham mưu, chỉ đạo đẩy mạnh các hình thức vận động vốn từ nguồn ngoài ngân sách như tranh thủ nguồn tài trợ, ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; phối hợp tổ chức các hình thức vận động phù hợp để tăng trưởng nguồn vốn của Quỹ HTND tỉnh.

4. Kế hoạch tài chính Quỹ HTND tỉnh giai đoạn 2024 - 2028

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
A	Tổng thu nhập	2.769	3.297	4.525	5.755	6.987
1	Thu từ lãi suất cho vay Quỹ HTND tỉnh (Tổng dư nợ x 0.5%/tháng x 12 tháng)	2.679	3.197	4.410	5.625	6.842
2	Thu từ lãi tiền gửi	90	100	115	130	145
B	Dự kiến các khoản chi phí trong năm	2.490	3.063	4.178	5.309	6.427
1	Chi phí cho hoạt động nghiệp vụ	2.040	2.398	3.308	4.219	5.132
1.1	Trích để lại cho cấp huyện	643	767	1.058	1.350	1.642

1.2	Trích để lại cho cấp xã	964	1.151	1.588	2.025	2.463
1.3	Trích lập dự phòng rủi ro	433	480	662	844	1.026
2	Chi hoạt động bộ máy	450	665	870	1.090	1.295
2.1	Chi cho cán bộ, công chức, người lao động của Quỹ HTND tỉnh (Chi phụ cấp Hội đồng quản lý, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, chi đạo quỹ)	205	365	400	435	480
2.2	Chi quản lý và công vụ	215	265	410	560	690
a	Chi phí đi thăm định, kiểm tra các dự án (công tác phí, xăng xe, phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú..)	85	90	130	175	220
b	Mua sắm vật tư, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm	35	45	70	95	120
c	Chi hội nghị giao ban, tập huấn	95	130	210	290	350
2.3	Chi khác	30	35	60	95	125
C	Chênh lệch thu chi	279	234	348	446	561

Kết thúc năm tài chính, thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phúc lợi khen thưởng, Quỹ Dự phòng tài chính).

VII. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HTND TỈNH SAU KHI KIẾN TOÀN

Hoạt động của Quỹ HTND tỉnh sau khi kiến toàn được thực hiện theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, trong đó có một số hoạt động được quy định cụ thể như sau:

1. Hoạt động cho vay

1.1. Đối tượng vay vốn

Đối tượng vay vốn của Quỹ HTND tỉnh là hội viên Hội Nông dân Việt Nam thường trú tại Nghệ An có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

1.2. Điều kiện để được vay vốn:

a) Khách hàng vay vốn phải thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Nghị định 37/2023/NĐ-CP, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

b) Khách hàng vay vốn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận thường trú ở địa phương nơi Quỹ HTND tỉnh cho vay vốn tại thời điểm đề xuất vay vốn từ Quỹ HTND tỉnh;

c) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

d) Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân được Quỹ HTND tỉnh đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay;

đ) Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại 01 phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân từ Quỹ HTND tỉnh;

e) Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ HTND tỉnh trong cùng một thời điểm;

g) Các điều kiện cho vay khác quy định cụ thể tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND tỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

1.3. Thời hạn cho vay

a) Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân tại Quỹ HTND tỉnh được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (không bao gồm thời gian gia hạn nợ);

b) Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân do Quỹ HTND tỉnh xem xét, quyết định;

c) Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

1.4. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay

a) Lãi suất cho vay của Quỹ HTND tỉnh được xác định trong từng thời kỳ, do Hội đồng Quản lý Quỹ HTND tỉnh quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp đủ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay;

b) Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác, lãi suất áp dụng theo thỏa thuận đã ký với bên ủy thác;

c) Đồng tiền cho vay và thu nợ là Đồng Việt Nam (VNĐ).

1.5. Bảo đảm tiền vay

a) Quỹ HTND tỉnh và khách hàng vay vốn thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và pháp luật khác có liên quan;

b) Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh quy định cụ thể về các hình thức bảo đảm tiền vay và thẩm quyền quyết định bảo đảm tiền vay tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND tỉnh.

1.6. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Giám đốc Quỹ HTND tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân có mức vốn vay không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý phê duyệt. Hội đồng quản lý quy định mức cho vay tối đa cụ thể phân cấp cho Giám đốc Quỹ HTND tỉnh quyết định tại quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND tỉnh;

b) Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc Quỹ HTND tỉnh, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 19 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

1.7. Giới hạn cho vay

a) Dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh phê duyệt;

b) Dư nợ cho vay đối với một phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh phê duyệt;

c) Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định giới hạn cho vay đối với từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân vượt giới hạn cho vay theo quy định nói trên;

d) Đối với với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác, giới hạn cho vay áp dụng theo thỏa thuận đã ký với bên ủy thác.

1.8. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Quỹ HTND tỉnh xem xét, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng vay vốn, khả năng tài chính của Quỹ HTND tỉnh và kết quả đánh giá của Quỹ HTND tỉnh về khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn, cụ thể:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ HTND tỉnh đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ HTND tỉnh xem xét, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ HTND tỉnh đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian

nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ HTND tỉnh xem xét cho gia hạn nợ vay với thời gian phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng, tối đa không quá 1/2 thời gian vay vốn tại hợp đồng tín dụng lần đầu đã ký;

c) Nội dung và thẩm quyền quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh và quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND tỉnh.

1.9. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

a) Quỹ HTND tỉnh thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô, phù hợp với đặc thù hoạt động của Quỹ HTND tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Đối với những khoản nhận ủy thác cho vay mà Quỹ HTND tỉnh không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro;

c) Tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ HTND tỉnh: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh sau khi báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo;

d) Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh ban hành quy chế xử lý rủi ro sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: Nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp, thẩm quyền xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục xử lý rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro, chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong xử lý rủi ro của Quỹ HTND tỉnh.

1.10. Hội đồng xử lý rủi ro

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng xử lý rủi ro.

a) Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh là Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro;
- Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ HTND tỉnh;
- Tối thiểu 02 thành viên khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro:

- Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ HTND tỉnh báo cáo;
- Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;
- Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trong đó phải xác định rõ thời gian và biện pháp để thu hồi nợ;

- Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ đề xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định này;

- Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh ký ban hành.

2. Hoạt động nhận ủy thác

a) Quỹ HTND tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ HTND tỉnh cấp trên và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương;

b) Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là Đồng Việt Nam (VNĐ);

c) Việc nhận ủy thác của Quỹ HTND tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ HTND tỉnh với tổ chức, cá nhân ủy thác;

d) Quỹ HTND tỉnh có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ HTND tỉnh. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ HTND tỉnh phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ HTND tỉnh;

đ) Căn cứ quy chế mẫu do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành, Quỹ HTND tỉnh ban hành quy chế nhận ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

3. Hoạt động ủy thác

a) Quỹ HTND tỉnh được ủy thác cho Quỹ HTND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí;

b) Quỹ HTND cấp huyện nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại văn bản ủy thác đã ký giữa các bên;

c) Căn cứ quy chế mẫu do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành, Quỹ HTND tỉnh ban hành quy chế ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP và pháp luật liên quan./.